

HOÀN THIỆN KHUNG PHÁP LÝ VỀ TÍN DỤNG XANH TRONG BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI XANH TẠI VIỆT NAM: KINH NGHIỆM QUỐC TẾ VÀ BÀI HỌC CHO VIỆT NAM

PHẠM GIA BẢO NGỌC

MAI THỊ THÙY DƯƠNG

SV Khoa Luật Quốc tế, Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh

Nhận bài ngày 13/4/2026. Sửa chữa xong 18/6/2026. Duyệt đăng 25/6/2026.

Abstract

In the context of increasing environmental degradation and the urgent need for sustainable development, green transformation has become an inevitable trend in the global economy. In Vietnam, Resolution 68-NQ/TW issued by the Politburo on May 4, 2025, identifies green credit as a key tool to mitigate financial risks and promote sustainable development. This article analyzes the operating principles of green credit in Vietnam, evaluates the current legal framework, and assesses the implementation of green credit development. Drawing on previous studies and comparing green finance models between Vietnam, the European Union (EU), and China, the article proposes solutions to improve the legal system, align with international standards, and create momentum for the sustainable development of Vietnam's green finance market.

Keywords: Green credit, green finance models, sustainable development.

1. Đặt vấn đề

Trước áp lực từ biến đổi khí hậu và suy thoái môi trường, chuyển đổi xanh đang trở thành xu hướng chủ đạo của kinh tế toàn cầu. Hệ thống tài chính, đặc biệt là tín dụng, được xem là công cụ quan trọng định hướng dòng vốn vào các hoạt động thân thiện với môi trường. Tại Việt Nam, tín dụng xanh đang được quan tâm nhưng khung pháp lý vẫn còn nhiều hạn chế. Bài viết làm rõ cơ sở lý luận, thực trạng triển khai và kinh nghiệm quốc tế, từ đó đề xuất giải pháp hoàn thiện khung pháp lý về tín dụng xanh tại Việt Nam.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Khái niệm và vai trò của tín dụng xanh trong việc điều tiết và thúc đẩy chuyển đổi xanh tại Việt Nam

2.1.1. Định nghĩa tín dụng xanh

Tín dụng xanh (Green Credit Practice - GCP) là một khái niệm xuất hiện trong bối cảnh xu hướng phát triển xanh bền vững và tài chính xanh. Nhìn theo một số quan điểm của học giả, quan điểm thứ nhất, Marcel Jeucken, cho rằng trong quá trình phát triển hệ thống tài chính hiện đại kéo theo các tổ chức tài chính cần tích hợp các yếu tố môi trường vào hoạt động tín dụng để tạo tác động tích cực đến môi trường (Marcel Jeucken, 2001, tr. 116). Ở quan điểm khác, Olaf Weber lại xem xét tín dụng dưới góc độ là một bộ phận quan trọng của hệ thống tài chính, trong đó các tổ chức tín dụng sử dụng hoạt động cấp vốn như là một công cụ nhằm được cung cấp để tái cấp vốn toàn bộ hoặc một phần vào các dự án xanh đủ điều kiện và/hoặc hiện có không gây ô nhiễm môi trường. Theo Weber, chính sách tín dụng xanh không chỉ buộc các ngân hàng hạn chế cho vay đối với các ngành gây ô nhiễm mà còn khuyến khích cấp vốn ưu đãi cho các dự án bảo vệ môi trường, năng lượng tái tạo, kinh tế tuần hoàn và nông nghiệp thân thiện với môi trường. Kết quả nghiên cứu của ông cho thấy mối quan hệ hai chiều tích cực giữa hiệu suất bền vững (bao gồm hoạt động tín dụng xanh) và hiệu suất tài chính của ngân hàng, khi

Email: 2253801090056@email.hcmulaw.edu.vn.

hiệu suất bền vững tốt hơn không làm giảm mà còn hỗ trợ cải thiện kết quả kinh doanh (Olaf Weber, 2017, tr. 358-385). Từ các quan điểm trên có thể thấy rằng, mặc dù cách tiếp cận có sự khác biệt nhất định, các học giả đều thống nhất ở điểm cốt lõi: *tín dụng xanh là hoạt động cấp tín dụng gắn với việc xem xét các yếu tố môi trường trong quá trình thẩm định, cấp vốn và giám sát khoản vay nhằm định hướng dòng vốn cho các mục tiêu phát triển bền vững.*

2.1.2. Đặc điểm pháp lý của tín dụng xanh

Về mặt bản chất, tín dụng xanh vẫn thuộc phạm vi của hoạt động cấp tín dụng trong hệ thống ngân hàng và được thiết lập trên cơ sở quan hệ hợp đồng giữa tổ chức tín dụng và khách hàng vay vốn. Theo đó, ngân hàng cung cấp một khoản vốn nhất định và khách hàng có nghĩa vụ hoàn trả lãi theo các điều kiện đã thỏa thuận.

Từ góc độ lý luận và pháp lý, tín dụng xanh vừa mang những đặc điểm chung của hoạt động tín dụng ngân hàng, vừa có những đặc trưng riêng gắn với mục tiêu bảo vệ môi trường. Các đặc điểm này có thể được phân tích thông qua một số đặc điểm cơ bản sau đây:

Thứ nhất, tín dụng xanh là ưu tiên phân bổ vốn cho các hoạt động thân thiện với môi trường và tích hợp quản lý rủi ro môi trường xã hội vào toàn bộ quy trình cấp tín dụng.

Khác với tín dụng thông thường, các ngân hàng thương mại chỉ cấp vốn cho các dự án sản xuất, kinh doanh không gây rủi ro môi trường. Tại Việt Nam, đặc điểm này thể hiện qua việc các ngân hàng áp dụng Danh mục phân loại dự án xanh, yêu cầu minh bạch thông tin, hiệu quả kinh doanh, kinh nghiệm công nghệ xanh (ít nhất 1 năm). Đồng thời, yêu cầu đánh giá tác động môi trường như là tiêu chí bắt buộc bên cạnh các yếu tố tài chính như khả năng sinh lời hay năng lực trả nợ. Để đạt được điều này, các tổ chức tín dụng phải can thiệp ban đầu qua việc xây dựng tiêu chí "xanh", áp dụng lãi suất ưu đãi cho dự án xanh và tăng chi phí tài chính cho dự án "nâu" (dự án sử dụng tài nguyên thiên nhiên, năng lượng hóa thạch, nhiều phát thải carbon), từ đó chuyển đổi sang dự án "xanh" (dự án sử dụng năng lượng tái tạo, ít phát thải carbon, thân thiện môi trường...) (Vũ Lê, 2024).

Thứ hai, vốn huy động của tín dụng xanh không hoàn toàn từ nguồn vốn duy nhất của ngân hàng.

Khác với tín dụng thông thường chủ yếu dựa vào vốn huy động ngắn - trung hạn của ngân hàng, các ngân hàng thương mại có thể tiếp cận nguồn vốn huy động của tín dụng xanh thông qua các kênh chuyên biệt như hợp đồng ủy thác từ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hoặc Ngân hàng Trung ương, các quỹ hỗ trợ tín dụng xanh từ quốc tế hoặc trong nước, trực tiếp phát hành trái phiếu xanh trên thị trường vốn.

Thứ ba, hoạt động tín dụng xanh đòi hỏi sự phối hợp chặt chẽ giữa nhiều cơ quan nhà nước, với sự hỗ trợ chính sách từ Chính phủ để khuyến khích đầu tư.

Xuất phát từ việc cấp vốn liên quan đến nhiều bên quản lý, do đó Chính phủ can thiệp bằng các chính sách thuế ưu đãi và cam kết đầu ra ổn định cho sản phẩm/dịch vụ từ dự án xanh. Ngân hàng cam kết cung cấp vốn dài hạn kèm lãi suất thấp hơn để tạo động lực cho nhà đầu tư tham gia các lĩnh vực bảo vệ môi trường. Sự kết hợp này giúp thúc đẩy dòng vốn hướng tới phát triển bền vững, đồng thời giảm rủi ro cho cả bên vay và bên cho vay.

Thứ tư, tín dụng xanh được cấp cho các dự án sản xuất kinh doanh với tiêu chí thẩm định nghiêm ngặt và dựa trên định nghĩa pháp lý rõ ràng về "yếu tố xanh".

Yếu tố "xanh" được xác định theo bộ tiêu chí môi trường và qua xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh. Để được công nhận là dự án xanh cần phải đáp ứng đồng thời hai tiêu chí tại Quyết định số 21/2025/QĐ-TTg. Một là, có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM), giấy phép môi trường, trường hợp dự án đầu tư được miễn thủ tục môi trường theo quy định của pháp luật thì không bắt buộc áp dụng tiêu chí này. Hai là, dự án thuộc lĩnh vực bảo vệ môi trường hoặc mang lại lợi ích cho môi trường một cách minh thị và đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật cụ thể tại Phụ lục I của Quyết định này. Theo đó, sau khi hội tụ đủ hai tiêu chí dự án đó mới được xếp loại là dự án "xanh" và được Ngân hàng nhà nước chấp thuận cấp tín dụng xanh theo cơ chế

tự động. Như vậy, đối với các dự án không thuộc dự án “xanh” trên cơ sở luật định hoặc dự án có “vỏ bọc xanh” thì không được cấp tín dụng.

2.2. Vai trò của tín dụng xanh trong việc điều tiết và thúc đẩy chuyển đổi xanh tại Việt Nam

2.2.1. Vai trò của tín dụng xanh đối với ngân hàng

Trong giai đoạn trước, tín dụng xanh chủ yếu được các ngân hàng triển khai trên cơ sở tự nguyện gắn với trách nhiệm xã hội của từng doanh nghiệp, tổ chức. Tuy nhiên, cùng với việc Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước từng bước hoàn thiện hành lang pháp lý thông qua Quyết định số 21/2025/QĐ-TTg, Nghị định số 156/2025/NĐ-CP về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 55/2015/NĐ-CP về chính sách tín dụng phát triển nông nghiệp, nông thôn và Chỉ thị số 03/CT-NHNN, tín dụng xanh không còn hoạt động mang tính khuyến khích mà đã trở thành định hướng trong hoạt động cấp tín dụng. Sự thay đổi này cho thấy vai trò của tín dụng xanh đã vượt ra khỏi phạm vi hỗ trợ các dự án thân thiện với môi trường để trở thành công cụ giúp ngân hàng nâng cao chất lượng quản trị rủi ro. Thay vì chỉ đánh giá khả năng trả nợ của khách hàng dựa trên các chỉ tiêu tài chính thì ngân hàng còn phải xem xét đồng thời các yếu tố môi trường, xã hội và bộ tiêu chuẩn ESG và các rủi ro phát sinh từ ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu hoặc vi phạm quy định môi trường có thể ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của dự án và khả năng thu hồi vốn. Nói đúng hơn, tín dụng xanh góp phần chuyển đổi tư duy từ “cấp vốn cho dự án có lợi nhuận” sang “cấp vốn cho dự án vừa có hiệu quả vừa bảo đảm phát triển bền vững”, từ đó hạn chế nợ xấu dài hạn và tăng khả năng tiếp cận nguồn vốn xanh trong nước và quốc tế.

2.2.2. Vai trò của tín dụng xanh đối với doanh nghiệp

Tín dụng xanh không chỉ giải quyết nhu cầu vốn mà còn tạo động lực cho quá trình chuyển đổi mô hình sản xuất theo hướng bền vững. Việc tiếp cận các khoản vay ưu đãi giúp doanh nghiệp đầu tư công nghệ sạch, phát triển nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp công nghệ cao và mô hình kinh tế tuần hoàn với chi phí vốn thấp hơn. Quan trọng hơn, nguồn vốn này hỗ trợ doanh nghiệp đáp ứng các tiêu chuẩn môi trường từ đó nâng cao năng lực cạnh tranh, mở rộng khả năng tham gia chuỗi cung ứng toàn cầu.

2.2.3. Vai trò của tín dụng xanh đối với sự phát triển của quốc gia

Tín dụng xanh giữ vai trò là kênh dẫn vốn quan trọng cho quá trình chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng xanh và bền vững. Theo Ngân hàng Nhà nước, dư nợ tín dụng xanh đã đạt khoảng 828.000 tỷ đồng, với tốc độ tăng trưởng bình quân trên 20%/năm, cho thấy dòng vốn đang dịch chuyển mạnh vào các lĩnh vực như năng lượng tái tạo, nông nghiệp sạch và kinh tế tuần hoàn (Hoa Trà, 2026). Sự gia tăng này không chỉ khơi thông nguồn lực tài chính cho các ngành có giá trị gia tăng cao mà còn góp phần giảm phụ thuộc vào mô hình tăng trưởng dựa trên khai thác tài nguyên và phát thải lớn. Qua đó, tín dụng xanh trở thành động lực thúc đẩy tái cơ cấu nền kinh tế, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia và thực hiện mục tiêu tăng trưởng bền vững.

2.2.4. Vai trò của tín dụng xanh đối với người tiêu dùng

Tín dụng xanh thúc đẩy doanh nghiệp đầu tư vào công nghệ và quy trình sản xuất sạch, tạo ra các sản phẩm an toàn, thân thiện với môi trường và có khả năng truy xuất nguồn gốc cao. Điều này không chỉ đáp ứng nhu cầu tiêu dùng bền vững mà còn củng cố niềm tin của khách hàng đối với những doanh nghiệp thực hiện tốt trách nhiệm môi trường. Uy tín và giá trị thương hiệu của doanh nghiệp được củng cố sẽ khuyến khích nhiều doanh nghiệp tham gia chuyển đổi xanh, từ đó làm gia tăng nhu cầu tiếp cận tín dụng xanh và thúc đẩy sự phát triển của thị trường tín dụng xanh.

2.3. Thực trạng pháp luật và thách thức pháp lý khi triển khai tín dụng xanh tại Việt Nam

2.3.1. Khung pháp lý hiện hành về tín dụng xanh

Ở cấp độ chiến lược quốc gia, định hướng phát triển tài chính xanh được xác lập tại quyết định số 1658/QĐ-TTg ngày 01/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2023, tầm nhìn đến năm 2050. Văn bản pháp lý này tạo nền tảng chính sách tổng thể cho việc cơ cấu lại dòng vốn đầu tư theo hướng bền vững, đồng thời giao nhiệm vụ cho các bộ, ngành xây dựng tiêu chí, công cụ tài chính và cơ chế khuyến khích tín dụng xanh.

Ở cấp độ luật định, nền tảng pháp lý trực tiếp của tín dụng xanh được xác lập rõ ràng tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020. Cụ thể, Điều 149 đã định nghĩa chính thức về “tín dụng xanh”. Trên cơ sở đó, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 21/2025/QĐ-TTg quy định tiêu chí môi trường và việc xác nhận dự án đầu tư đáp ứng tiêu chí môi trường để được hưởng chính sách ưu đãi, hỗ trợ của Nhà nước về tín dụng xanh, trái phiếu xanh. Văn bản này có ý nghĩa đặc biệt quan trọng bởi: Thứ nhất, xác lập hệ thống tiêu chí môi trường cụ thể để làm căn cứ thống nhất phân loại dự án xanh; Thứ hai, quy định rõ thẩm quyền, trình tự, thủ tục xác nhận dự án đầu tư thuộc Danh mục phân loại xanh; Thứ ba, tạo cơ sở pháp lý minh bạch để các tổ chức tín dụng, nhà đầu tư và cơ quan quản lý áp dụng thống nhất; Thứ tư, góp phần kiểm soát và hạn chế tình trạng “tẩy xanh” (greenwashing) trên thị trường tài chính (Magdalena Ziolo, Iwona Bąk, Anna Spoz, 2024, tr. 5343), cũng là ý nghĩa mà nhóm tác giả cho rằng cấp thiết nhất trong bối cảnh hiện nay.

Ở cấp độ điều hành chuyên ngành, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã ban hành Thông tư 17/2022/TT-NHNN hướng dẫn việc quản lý rủi ro về môi trường trong hoạt động cấp tín dụng của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng ở nước ngoài. Đồng thời, Quyết định số 1604/QĐ-NHNN phê duyệt đề án phát triển ngân hàng xanh tại Việt Nam đã đặt ra các mục tiêu cụ thể về tăng trưởng dư nợ tín dụng xanh và lộ trình tích hợp yếu tố môi trường trong hoạt động ngân hàng.

2.3.2. Thách thức pháp lý trong thực tiễn triển khai tín dụng xanh tại Việt Nam

Thứ nhất, một trong những thách thức lớn nhất hiện nay là hệ thống tiêu chí phân loại dự án xanh chưa đạt mức độ chi tiết và định lượng cần thiết để phục vụ hoạt động thẩm định tín dụng của các tổ chức tài chính. Mặc dù, Nhà nước đã ban hành các tiêu chí môi trường nhằm xác định dự án đầu tư đáp ứng điều kiện được hưởng các chính sách ưu đãi về tín dụng xanh theo Quyết định 21/2025/QĐ-TTg, nhưng nhiều tiêu chí vẫn được thiết kế ở mức khái quát chưa có ngưỡng định lượng cụ thể đối với từng ngành, lĩnh vực hoặc loại hình hoạt động kinh tế.

Thứ hai, cơ chế công bố thông tin và giám sát đối với hoạt động tín dụng xanh vẫn còn ở mức định hướng, chưa hình thành các nghĩa vụ báo cáo và minh bạch thông tin mang tính chất bắt buộc và thống nhất. Mặc dù các tổ chức tín dụng được yêu cầu thực hiện quản lý rủi ro môi trường trong hoạt động cấp tín dụng theo Thông tư 17/2022/TT-NHNN, nhưng hiện chưa có quy định cụ thể về việc công bố công khai tỷ lệ dư nợ tín dụng xanh, mức độ đáp ứng tiêu chí môi trường của các khoản vay hoặc mức độ rủi ro khí hậu trong danh mục tín dụng.

Thứ ba, hệ thống chính sách khuyến khích tín dụng xanh vẫn còn thiếu các công cụ hỗ trợ mang tính pháp lý cụ thể. Mặc dù nhiều văn bản chính sách đã đề cập đến việc thúc đẩy tín dụng xanh và phát triển ngân hàng xanh nhưng các công cụ hỗ trợ cụ thể như cơ chế tái cấp vốn ưu đãi cho các khoản vay xanh hoặc các ưu đãi mang tính điều tiết tài chính vẫn chưa được quy định rõ ràng ở góc độ pháp lý. Điều này khiến tín dụng xanh trong thực tiễn vẫn phụ thuộc nhiều vào định hướng chiến lược và mức độ chủ động của từng tổ chức tín dụng.

2.4. Kinh nghiệm quốc tế và kiến nghị hoàn thiện cơ chế pháp lý về tín dụng xanh tại Việt Nam

2.4.1. Pháp luật về tín dụng xanh của một số quốc gia trên thế giới

a. Liên minh Châu Âu

Khác với cách tiếp cận phân tán ở nhiều quốc gia, EU xây dựng khung pháp lý tín dụng xanh trên cơ sở một hệ thống quy phạm tích hợp, giữa cơ chế phân loại hoạt động kinh tế bền vững, nghĩa vụ công bố thông tin của các tổ chức tài chính và các tiêu chuẩn kỹ thuật chi tiết.

Nền tảng pháp lý quan trọng nhất của hệ thống này được thiết lập trong EU Taxonomy Regulation (EU Regulation). Quy định này xây dựng một hệ thống phân loại thống nhất nhằm xác định những hoạt động kinh tế được coi là bền vững môi trường, từ đó tạo ra cơ sở pháp lý chung cho các sản phẩm tài chính xanh, bao gồm tín dụng xanh, trái phiếu xanh và các quỹ đầu tư bền vững (Nicolas Garcia-Torea, Mercedes Luque-Vílchez, Pablo Rodríguez Gutiérrez, 2024, tr. 2).

Một trong những quy định cốt lõi của EU Taxonomy nằm tại Điều 3, theo đó một hoạt động kinh tế chỉ được coi là bền vững về môi trường khi đồng thời đáp ứng bốn điều kiện pháp lý. *Một là*, hoạt động

đó phải đóng góp đáng kể cho ít nhất một trong các mục tiêu môi trường mà EU xác định, bao gồm giảm thiểu biến đổi khí hậu, thích ứng với biến đổi khí hậu, sử dụng bền vững tài nguyên nước, chuyển đổi sang nền kinh tế tuần hoàn, phòng ngừa ô nhiễm và bảo vệ hệ sinh thái. *Hai là*, hoạt động kinh tế đó không được gây tổn hại đáng kể đến bất kỳ mục tiêu môi trường nào khác, nguyên tắc này được gọi là “Do No Significant Harm”. *Ba là*, hoạt động kinh tế phải tuân thủ các tiêu chuẩn bảo đảm tối thiểu về xã hội và quản trị doanh nghiệp. *Bốn là*, hoạt động phải đáp ứng các tiêu chí sàng lọc kỹ thuật (technical screening criteria) do Ủy ban Châu Âu ban hành. Việc thiết lập bốn điều kiện pháp lý này có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với thị trường tài chính xanh. Thay vì chỉ dựa trên danh mục ngành nghề được khuyến khích, EU xây dựng một “bài kiểm tra pháp lý” nhiều tầng nhằm đánh giá mức độ bền vững của từng hoạt động kinh tế. Cách tiếp cận này giúp các tổ chức tài chính, bao gồm ngân hàng thương mại, có cơ sở pháp lý rõ ràng khi thẩm định các khoản tín dụng xanh, đồng thời hạn chế nguy cơ gắn nhãn “xanh” đối với các dự án không thực sự mang lại lợi ích môi trường (Jan Brabec, Jan Macháček, 2025, tr. 3).

Bên cạnh việc xác lập tiêu chí chung, EU Taxonomy còn đặt ra yêu cầu xây dựng các tiêu chuẩn kỹ thuật chi tiết nhằm bảo đảm khả năng áp dụng trong thực tiễn. Theo Điều 19 của Regulation (EU) 2020/852, các tiêu chí sàng lọc kỹ thuật phải dựa trên bằng chứng khoa học, sử dụng các ngưỡng định lượng khi có thể và xem xét toàn bộ vòng đời của hoạt động kinh tế. Quy định này cho phép xác định rõ ràng mức độ đóng góp môi trường của từng loại hình hoạt động, đồng thời tạo cơ sở để cơ quan quản lý và các tổ chức tài chính đánh giá một cách khách quan tính bền vững của các dự án đầu tư¹.

Ngoài cơ chế phân loại hoạt động kinh tế bền vững, EU còn thiết lập hệ thống nghĩa vụ công bố thông tin nhằm bảo đảm tính minh bạch của thị trường tài chính. Theo các quy định liên quan trong Taxonomy Regulation và các văn bản pháp lý liên quan, các tổ chức tài chính khi cung cấp sản phẩm đầu tư hoặc sản phẩm tài chính được quảng bá là “bền vững” phải công bố mức độ phù hợp của các khoản đầu tư với hệ thống phân loại xanh của EU². Nghĩa vụ công bố này giúp nhà đầu tư và cơ quan quản lý đánh giá mức độ đóng góp thực chất của các sản phẩm tài chính đối với các mục tiêu môi trường, đồng thời tạo cơ chế kiểm soát hiệu quả đối với nguy cơ “tẩy xanh” trong hoạt động tài chính.

b. Trung Quốc

Tương tự với EU, Trung Quốc cũng là một trong những quốc gia sớm xây dựng và đã định hình khung pháp lý về tín dụng xanh trong lĩnh vực ngân hàng. Nền tảng chính sách được thiết lập từ năm 2019 của Ủy ban Điều tiết Ngân hàng Trung Quốc (CBRC) ban hành mở đầu trong việc Nhà nước đưa ra yêu cầu các tổ chức tín dụng tích hợp yếu tố môi trường vào toàn bộ quy trình quản trị tín dụng từ khâu thẩm định, quyết định vốn đến giám sát sau vay.

Năm 2016, Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc cùng sáu bộ, ban, ngành ban hành của “Quan điểm thiết lập hệ thống tài chính xanh”, qua đó mở rộng định hướng đưa tín dụng xanh trở thành trụ cột quan trọng trong quá trình chuyển đổi xanh bền vững. Trong đó, các ngân hàng được khuyến khích phân bổ nguồn vốn cho dự án xanh thông qua chính sách ưu đãi về tái cấp vốn hoặc hỗ trợ lãi suất (Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc, 2016). Có thể thấy, quy định này có điểm tương đồng với Việt Nam về định hướng tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp thực hiện các dự án thân thiện với môi trường được tiếp cận về vốn. Khác với Việt Nam, quốc gia này đã xây dựng hệ thống dữ liệu tín dụng quốc gia và thực hiện quản lý, giám sát tín dụng thông qua cơ chế mã định danh cho từng dự án từ đó cho phép cơ quan quản lý theo dõi toàn bộ toàn bộ quá trình của khoản vay.

Bên cạnh đó, các tổ chức tín dụng phải thiết lập cơ chế tự đánh giá việc thực hiện dự án xanh, bao gồm việc thiết kế các chỉ số đánh giá, quy trình tổ chức và cách thức sử dụng kết quả đánh giá. Sau cùng kết quả đánh giá phải được phản ánh đầy đủ trong văn bản định giá nội bộ của ngân hàng.

Từ chính sách của Trung Quốc, Việt Nam có thể cân nhắc hoàn thiện khung chính sách tín dụng

1) Clause 1 Article 19 Regulation (EU) 2020/852 of the European Parliament and of the Council of 18 June 2020 on the establishment of a framework to facilitate sustainable investment, and amending Regulation (EU) 2019/2088.

2) Article 5 Regulation (EU) 2020/852 of the European Parliament and of the Council of 18 June 2020 on the establishment of a framework to facilitate sustainable investment, and amending Regulation (EU) 2019/2088.

xanh theo hướng xây dựng cơ chế tự đánh giá mức độ triển khai dự án của từng ngân hàng. Đồng thời, thiết kế cơ chế giám sát liên ngành thực chất giữa các cơ quan môi trường và các tổ chức tín dụng nhằm theo dõi toàn bộ vòng đời dự án được cấp tín dụng.

2.4.2. Giải pháp hoàn thiện cơ chế pháp lý về tín dụng xanh tại Việt Nam

Thứ nhất, cần hoàn thiện hệ thống tiêu chí phân loại dự án xanh theo hướng cụ thể và định lượng hơn. Hiện nay, tiêu chí xác định dự án xanh đã được bước đầu thiết lập trong Quyết định số 21/2025/QĐ-TTg về danh mục phân loại xanh. Tuy nhiên, nhiều tiêu chí vẫn được thiết kế ở mức định tính, chưa xác định rõ các ngưỡng kỹ thuật hoặc chỉ số môi trường cụ thể đối với từng ngành, lĩnh vực. Trong thời gian tới, Nhà nước cần tiếp tục hoàn thiện hệ thống phân loại xanh theo hướng xây dựng các chỉ số định lượng cụ thể như ngưỡng giảm phát thải khí nhà kính, tiêu chuẩn hiệu quả năng lượng hoặc tỷ lệ sử dụng tài nguyên tái tạo đối với từng loại hình hoạt động kinh tế.

Thứ hai, cần thiết lập cơ chế báo cáo và công bố thông tin bắt buộc đối với hoạt động tín dụng xanh. Hiện nay, việc thiếu chuẩn mực báo cáo khiến cơ quan quản lý khó theo dõi quy mô và rủi ro môi trường của danh mục tín dụng. Do đó, Ngân hàng Nhà nước cần bổ sung quy định yêu cầu các tổ chức tín dụng định kỳ báo cáo và công bố thông tin về tỷ lệ dư nợ tín dụng xanh, mức độ đáp ứng tiêu chí môi trường của khoản vay và rủi ro khí hậu trong danh mục. Đồng thời, cần xây dựng cơ chế giám sát và chế tài phù hợp để hạn chế nguy cơ tẩy xanh.

Thứ ba, cần nâng cao trách nhiệm minh bạch thông tin môi trường của doanh nghiệp nhằm cải thiện khả năng tiếp cận tín dụng xanh. Trong thực tiễn, nhiều doanh nghiệp vẫn gặp khó khăn khi tiếp cận nguồn vốn tín dụng xanh do chưa đáp ứng đầy đủ các tiêu chí môi trường hoặc chưa có hệ thống báo cáo môi trường minh bạch. Do đó, cần nghiên cứu bổ sung quy định về công bố thông tin môi trường và phát triển bền vững trong các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường 2020, đặc biệt đối với các doanh nghiệp thuộc các ngành có mức phát thải cao. Việc công khai các chỉ số môi trường như mức phát thải khí nhà kính, hiệu quả sử dụng năng lượng hoặc tỷ lệ tái chế chất thải sẽ giúp các tổ chức tín dụng đánh giá chính xác hơn hiệu quả môi trường của dự án vay vốn.

3. Kết luận

Bài viết khái quát về tín dụng xanh tại Việt Nam, các thách thức tồn tại và bài học kinh nghiệm từ một số quốc gia. Các giải pháp như xây dựng tiêu chí dự án xanh, cơ chế ưu đãi, chia sẻ dữ liệu môi trường và hoàn thiện thị trường tài chính xanh được đề xuất sẽ góp phần hoàn thiện khung pháp lý, thúc đẩy chuyển đổi sang nền kinh tế xanh và phát triển bền vững.

Tài liệu tham khảo

- European Parliament and Council (2020). *Regulation (EU) 2020/852 of the European Parliament and of the Council of 18 June 2020 on the establishment of a framework to facilitate sustainable investment, and amending Regulation (EU) 2019/2088*.
- Hoà Trà (2026). *Dư nợ tín dụng xanh đạt quy mô 828.000 tỷ đồng*. VTV Online. Ngày 10/6/2026. <https://vtv.vn/du-no-tin-dung-xanh-dat-quy-mo-828000-ty-dong-100260609175312736.htm>.
- Jan Brabec and Jan Macháček (2025), *Impacts of the EU Taxonomy implementation: a systematic literature review*, Climate Policy.
- Marcel Jeucken (2001). *Sustainable Finance and Banking: The Financial Sector and the Future of the Planet*. Earthscan Publications.
- Magdalena Ziolo, Iwona Bąk, Anna Spoz (2024). Literature review of greenwashing research: State of the art. *Corporate Social Responsibility and Environmental Management*, 31(6), 5343.
- Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc (2016). *Các quan điểm định hướng về việc xây dựng một hệ thống tài chính xanh*. https://www.mee.gov.cn/gkml/hbb/gwy/201611/t20161124_368163.htm. Truy cập ngày 10/3/2026.
- Nguyễn Đình Hoàn, Nguyễn Hồng Quang (2023). Phát triển tín dụng xanh tại các ngân hàng. *Tạp chí Nghiên cứu Tài chính kế toán*, 1(237), 15.
- Nicolas Garcia-Torea, Mercedes Luque-Vílchez, Pablo Rodríguez Gutiérrez (2024), *The EU Taxonomy, sustainability reporting and financial institutions: Understanding the elements driving regulatory uncertainty*, Accounting Forum, tr. 2.
- Olaf Weber (2017). Corporate sustainability and financial performance of Chinese banks. *Sustainability Accounting, Management and Policy Journal*, 8(3), 358–385.
- Ủy ban Điều tiết Ngân hàng Trung Quốc (2012). *Hướng dẫn về tín dụng xanh*.
- Vũ Lê (2024). *Đề xuất hỗ trợ các dự án “nâu” tiếp cận tài chính xanh để chuyển đổi sang dự án “xanh”*. Báo Công Thương. Ngày 27/11/2024. <https://conghuong.vn/de-xuat-ho-tro-cac-du-an-nau-tiep-can-tai-chinh-xanh-de-chuyen-doi-sang-du-an-xanh-361232.html>. Truy cập ngày 27/02/2026.